TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:07 /2018/HS - ST
Ngày: 09 - 02 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc.

Ông Phạm Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Ông Cao Thanh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/HSST - QĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình K - Sinh năm 1984 tại xã HT, huyện HH, tỉnh NĐ; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 13 xã HT, huyện HH, tỉnh NĐ; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1956 và bà Lại Thị N - Sinh năm 1959; có vợ là: Trần Thị - Sinh năm 1986; có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/11/2017 đến ngày 30/11/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương theo Quyết định cho bảo lĩnh số 01 ngày 30/11/ 2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện GT. Có mặt.

2.Vũ Ngọc S - Sinh năm 1993 tại xã TT, huyện TN, tỉnh NĐ; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã TT, huyện TN, tỉnh NĐ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Thế H - Sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1972; có vợ là: Bùi Thị Y - Sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2017 đến ngày 18/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương theo Quyết

định cho bảo lĩnh số 01 ngày 18/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GT. Có mặt.

3. Nguyễn Văn D - Sinh năm 1973 tại xã TT, huyện TN, tỉnh NĐ; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 2 xã xã TT, huyện TN, tỉnh NĐ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Đặng Thị Tn - Sinh năm 1947; có vợ là: Tạ Thị D - Sinh năm 1973, có 03 con lớn nhất 23 tuổi nhỏ nhất 10 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/11/2017 đến ngày 30/11/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương theo Quyết định cho bảo lĩnh số 02 ngày 30/11/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện GT. Có mặt.

4. Phạm Văn D - Sinh năm 1980 tại xã HM, huyện HH, tỉnh NĐ; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 33 xã HM, huyện HH, tỉnh NĐ; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1948; có vợ là: Trần Thị L - Sinh năm 1985 có 03 con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2017 đến ngày 30/12/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương theo Quyết định cho bảo lĩnh số 04 ngày 29/12/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện GT. Có mặt.

5. Vũ Đình Thi - Sinh năm 1970 tại xã xã TT, huyện TN, tỉnh NĐ; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 6 xã xã TT, huyện TN, tỉnh NĐ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Cao H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1931; có vợ là: Phan Thị N - Sinh năm 1970, có 03 con lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/11/2017 đến ngày 30/11/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương theo Quyết định cho bảo lĩnh số 03 ngày 30/11/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện GT. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1985.
Địa chỉ: Kiốt 120, khu du lịch L, thị trấn QL, huyện GT, tỉnh NĐ. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Quy Mô - Sinh năm 1956.
Địa chỉ: Kiốt 96, khu du lịch thị trấn QL, huyện GT, tỉnh NĐ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 27/11/2017, Nguyễn Đình K gọi điện rủ Vũ Ngọc S, Nguyễn Văn D, Phạm Văn D và Vũ Đình T đến Kiốt 120 khu du lịch thị trấn QL, huyện GT, tỉnh NĐ do chị Nguyễn Thị L làm quản lý để ăn uống mừng Khu mua xe mới. Khoảng 16 giờ cùng ngày, K điều khiển xe ô tô tải BKS:18C-07849 của K đến Kiốt 120 khu du lịch QL thì gặp S và Nguyễn Văn D cũng vừa đến nơi. K, S, Nguyễn Văn D ngồi uống nước một lúc, trong lúc chờ T và Phạm Văn D đến thì cả

ba rủ nhau chơi bài ăn tiền. Sinh lấy một bộ bài ở góc nhà của Kiốt 120 (chị L không biết) sau đó đặt vấn đề với chị L cho S, K và Nguyễn Văn D thuê một phòng của Ki ốt 120 để nghỉ. Sau khi vào phòng số 07, Ki ốt 120, S, K và Nguyễn Văn D thống nhất chơi ba cây ăn tiền, ván đặt thấp nhất là 100.000 đồng, ván đặt cao nhất là 200.000 đồng. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, lần lượt có Vũ Đình T và Phạm Văn D đến cùng tham gia đánh bạc với mức độ như trên. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, trong lúc các đối tượng đang đánh bạc ăn tiền thì bị tổ công tác Công an huyện GT phát hiện lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm pháp quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 9.100.000 đồng. Thu trên người các đối tượng 14.750.000 đồng + 07 điện thoại di động các loại + 02 ô tô, 01 bộ bài tú lơ khơ có 36 quân bài từ A đến 9; thu giữ của Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA39. Tiến hành khám xét khẩn cấp kiốt 120 khu du lịch QL, còn thu giữ tại phòng số 07 một vỏ hộp đựng bài nhãn hiệu DOUBLEK màu xanh, bên trong có 16 quân bài từ 10 đến K.

Tại phiên tòa Vũ Ngọc S khai nhận: Khi đi mang theo 2.200.000 đồng sử dụng hết vào việc đánh bạc. Khi bị bắt giữ, S đang thắng và bỏ hết số tiền xuống chiếu bạc. Phạm Văn D khai nhận: Khi đi D mang theo 2.000.000 đồng sử dụng hết vào việc đánh bạc. D bỏ ra 650.000 đồng chơi trước, còn lại 1.350.000 đồng cất trong người khi bị bắt đã thu giữ. Nguyễn Đình K khai nhận: Khi đi K mang theo số tiền 3.500.000 đồng sử dụng hết vào việc đánh bạc. K bỏ ra 1.500.000 đồng chơi trước, còn lại 2.000.000 đồng cất trong người, khi bị bắt đã thu giữ. Nguyễn Văn D khai nhận: Khi đi D mang theo 9.100.000 đồng trong đó sử dụng 2.100.000 đồng để đánh bạc. D bỏ ra 200.000 đồng để chơi trước Khi bị bắt D đang thắng và bỏ hết số tiền trên tay xuống chiếu bạc. Ngoài ra thu giữ trên người D số tiền 8.900.000 đồng. Vũ Đình T khai nhận: Khi đi T mang theo 6.000.000 đồng trong đó sử dụng 4.500.000 đồng vào việc đánh bạc. Thi bỏ ra 3.500.000 đồng chơi trước còn lại 1.000.000 đồng cất trong người. Khi bị lực lượng Công an vào bắt, T không biết thắng thua thế nào và bỏ hết xuống chiếu bạc. Ngoài ra thu giữ trên người T số tiền 2.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 07/CTR ngày 24/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố các bị cáo Vũ Ngọc S, Nguyễn Đình K, Phạm Văn D, Vũ Đình T, Nguyễn Văn Dvề tội: "Đánh bạc". Theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Đánh bạc" vì vậy đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Ngọc S, Nguyễn Đình K, Phạm Văn D, Vũ Đình T, Nguyễn Văn D phạm tội "Đánh bạc" và đề nghị:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo, Nguyễn Đình K từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt Vũ Ngọc S và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Phạm Văn D và Vũ Đình T mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là: 15.350.000đồng (Mười lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 vỏ hộp đựng bài nhãn hiệu DOUBLEK màu xanh, bên trong có 16 quân bài từ 10 đến K và 01 bộ bài tú lơ khơ có 36 quân bài từ A đến 9.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 18 giờ ngày 27/11/2017, lực lượng Công an huyện GT bắt quả tang các bị cáo: Vũ Ngọc S, Phạm Văn D, Nguyễn Đình K, Nguyễn Văn D và Vũ Đinh T tại phòng số 7 đến Kiốt 120, khu thị trấn QL, huyện GT, tỉnh NĐ đánh bạc hình thức đánh ba cây ăn tiền, đặt ván thấp nhất là 100.000 đồng, đặt ván cao nhất là 200.000 đồng. Thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo số tiền 15.350.000 đồng các bị cáo khai dùng vào việc đánh bạc. Như vậy hành vi của các bị cáo: Vũ Ngọc S, Phạm Văn D, Nguyễn Đình K, Nguyễn Văn D và Vũ Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ảnh hưởng xấu tới trật tự an ninh, trật tự xã hội. Cờ bạc là tệ nạn của xã hội, các bị cáo đều xác định được đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây ăn tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo cố ý thực hiện hành vi của mình, sát phạt nhau để thu lời bất chính. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng hành vi của mỗi bị cáo nhằm trừng trị giáo dục riêng đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Xét vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt phù hợp.

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ sau: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS. Tại cơ quan CSĐT và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Các bị cáo đều có đơn trình bày điều kiện gia đình khó khăn là lao động chính được chính quyền địa phương xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xét lượng tiền và thời gian đánh bạc của từng bị cáo, thì vị trí của từng bị cáo xếp lần lượt như sau: Nguyễn Đình K, Vũ Ngọc S, Nguyễn Văn D, Vũ Đình T, Phạm Văn D, để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy tất cả các bị cáo trong vụ án đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, có hướng tự cải tạo. Vì vậy không nhất thiết buộc các bị cáo phải tập trung cải tạo, mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo: Nguyễn Đình K, Vũ Ngọc S, Nguyễn Văn D; phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo: Vũ Đình T và Phạm Văn D, như quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau nhằm thu lời bất chính, vì vậy áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung mỗi bị cáo đánh bạc 3.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là: 15.350.000đồng (Mười lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 vỏ hộp đựng bài nhãn hiệu DOUBLEK màu xanh, bên trong có 16 quân bài từ 10 đến K và 01 bộ bài tú lơ khơ có 36 quân bài từ A đến 9.

- Đối với 07 chiếc điện di động, 02 chiếc xe ôtô và 8.500.000 đồng quá trình điều tra xác định đó là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

Trong vụ án này, chị Nguyễn Thị L ở thị trấn QL, huyện GT là người quản lý kiốt 120, khu du lịch QL, khi cho các đối tượng thuê phòng không biết các đối tượng đánh bạc nên việc xử lý không đặt ra. Đối với chiếc điện thoại thu giữ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình K, Vũ Ngọc S, Nguyễn Văn D, Vũ Đình T, Phạm Văn D phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p,h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình K 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ từ ngày 27/11/2017 đến ngày 30/11/2017). Phạt bổ sung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt: Bị cáo Vũ Ngọc S 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2017 đến ngày 18/01/2018). Phạt bổ sung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ từ ngày 27/11/2017 đến ngày 30/11/2017). Phạt bổ sung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn D và Vũ Ngọc S cho UBND xã TT, huyện TN, tỉnh NĐ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Nguyễn Đình K cho UBND xã HT, huyện HH, tỉnh NĐ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999:

+ Xử phạt: Bị cáo Vũ Đình T 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày tạm giữ trước khi xét xử là 03 ngày, quy đổi 3 x 3 = 09 ngày (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 27/11/2017 đến ngày 30/11/2017). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 23 tháng 21 ngày. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày tạm giữ, tạm giam trước khi xét xử là 33 ngày, quy đổi 33 x 3 = 99 ngày (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 27/11/2017 đến ngày 30/12/2017). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 20 tháng 21 ngày. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Đình Thi cho UBND xã TT, huyện TN, tỉnh NĐ giám sát, giáo dục; Giao bị cáo Phạm Văn D cho UBND xã HM, huyện HH, tỉnh NĐ giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với 02 bị cáo tính từ ngày UBND xã nơi cư trú được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo: Vũ Đình T và Phạm Văn D.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 15.350.000đồng (Mười lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 vỏ hộp đựng bài nhãn hiệu DOUBLEK màu xanh, bên trong có 16 quân bài từ 10 đến K và 01 bộ bài có 36 quân bài từ A đến 9.

(Được ghi chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 25/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Vũ Ngọc S, Nguyễn Đình K, Phạm Văn D, Vũ Đình T, Nguyễn Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NĐ;
- VKSND huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Công an huyện GT;
- UBND xã HT, huyện HH;
- UBND xã TT, huyện TN;
- UBND xã HM, huyện HH;
- Mỗi bị cáo: 01 bản;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Lâm